

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2015 - 2016

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

Phần I. Đọc - hiểu (5.0 điểm)

Đọc đoạn văn bản và thực hiện những yêu cầu sau:

“ ...Xin hãy dạy cho cháu biết phải lắng nghe tất cả mọi người nhưng cũng xin thầy dạy cho cháu biết cần phải sàng lọc những gì nghe được qua một tấm lưới chân lý để cháu chỉ đón nhận những gì tốt đẹp...

Xin hãy dạy cho cháu biết cách mỉm cười khi buồn bã, xin hãy dạy cháu biết rằng không có sự xấu hổ trong những giọt nước mắt.

Xin hãy dạy cho cháu biết chế giễu những kẻ yếm thế và cẩn trọng trước sự ngọt ngào đầy cạm bẫy.

Xin hãy dạy cho cháu rằng có thể bán cơ bắp và trí tuệ cho người ra giá cao nhất, nhưng không bao giờ cho phép ai ra giá mua trái tim và tâm hồn mình...

Xin hãy dạy cho cháu khoanh tay làm ngơ trước một đám đông đang gào thét... và đứng thẳng người bảo vệ những gì cháu cho là đúng...

Xin hãy đối xử dịu dàng với cháu nhưng đừng vuốt ve nuông chiều cháu bởi vì chỉ có sự thử thách của lửa mới tôi luyện nên được những thanh sắt cứng rắn.

Xin hãy dạy cho cháu biết rằng cháu phải luôn có niềm tin tuyệt đối vào bản thân, bởi vì khi đó cháu sẽ luôn có niềm tin tuyệt đối vào nhân loại.

Đây quả là một yêu cầu quá lớn, tôi biết, thưa thầy. Nhưng xin thầy cố gắng hết sức mình, nếu được vậy, con trai tôi quả thật là một cậu bé hạnh phúc và may mắn” ...

Trích Bức thư được cho là của cố Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln gửi thầy hiệu trưởng - ngôi trường nơi con trai ông theo học.

Câu 1: Anh (chị) hãy cho biết chủ đề của văn bản trên là gì? Nội dung các câu trong đoạn phục vụ chủ đề ấy như thế nào? (1.5 điểm)

Câu 2: Các câu trong văn bản trên được liên kết bằng những phép liên kết nào? (1.0 điểm)

Câu 3: Văn bản trên được viết bằng hình thức gì? (1.0 điểm)

Câu 4: Từ văn bản trên, anh (chị) viết đoạn văn (khoảng 10 câu) về vai trò của nhà trường trong việc giáo dục và hình thành nhân cách của con người. (1.5 điểm).

Phần II. Làm văn (5,0 điểm)

Nhận định về bài thơ “ *Tổ lòng*” (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão, có ý kiến cho rằng “ *Người trai đời Trần không chỉ đẹp bởi tư thế hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu, mà còn đẹp bởi có phẩm chất tinh thần cao thượng, thể hiện quan niệm nhân sinh tích cực của đấng nam nhi trong thời đại hào hùng*”.

(GS Lê A – Bùi Minh Toán – Hà Bình Trị, *Học tốt Ngữ văn 10*, Tập I, NXB Giáo dục Hà Nội, Năm 2009, trang 159)

Anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên./.

ĐÁP ÁN THI MÔN NGỮ VĂN HỌC KÌ I.

(Năm học 2015 – 2016)

Khối 10

PHẦN I. Đọc - hiểu (5.0 điểm)

Câu 1: *Anh (chị) hãy cho biết chủ đề của văn bản trên là gì? Nội dung các câu trong đoạn phục vụ chủ đề ấy như thế nào? (1.5 điểm)*

- Chủ đề của đoạn văn bản: cố Tổng thống Abraham Lincoln gửi đến thầy Hiệu trưởng và nhà trường dạy cho con mình cũng là dạy cho học sinh là:

- + Cần có một tâm hồn nhạy cảm.
- + Biết tự khám phá ý nghĩa của cuộc sống.
- + Cảm nhận được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên.

- Các câu trong đoạn văn bản đều xoay quanh và triển khai chủ đề chung này. Các câu được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, chặt chẽ, thể hiện được mạch lập luận: xin thầy hãy dạy cho con trai tôi *tình yêu cuộc sống*.

Điểm: 1.5: Trả lời đúng theo cách trên

Điểm 0.5: Trả lời đúng một trong các ý trên

Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 2: *Các câu trong văn bản trên được liên kết bằng những phép liên kết nào? (1.0 điểm)*

- Phép lặp: “ *Xin thầy hãy...* ”

→ Sự kì vọng lớn lao của cố Tổng thống Abraham Lincoln đối với thầy Hiệu trưởng và nhà trường đối với con trai và các học sinh.

Điểm 1.0: Trả lời đúng theo cách trên

Điểm 0.5: Chỉ trả lời đúng một trong hai ý của câu hỏi hoặc trả lời đủ cả hai ý nhưng còn chung chung, sơ sài.

Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời

+ Nhân cách không phải là một cái gì đó đã hoàn tất, mà là quá trình luôn đòi hỏi sự trau dồi thường xuyên.

* **Về hình thức**: cấu trúc của đoạn văn: quy nạp, diễn dịch hoặc tổng - phân - hợp.

- Độ dài: khoảng 10 dòng.

- Điểm 1.5: Trả lời đúng theo cách trên

- Điểm 1.0: Trả lời được hai phần ba số ý

- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời

(Đối với ý hỏi này học sinh có thể trình bày những cảm nhận riêng của mình, không nhất thiết theo đáp án nhưng phải đảm bảo được các ý cơ bản đề cập ở trên)

PHẦN II: Nghị luận văn học (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (nghị luận văn học): 1.0 điểm

- Điểm 1.0 : Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần

Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề. Phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân.

- Điểm 0.5: Trình bày đầy đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài; nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu trên; phần Thân bài chỉ có một đoạn văn.

- Điểm 0: Thiếu Mở bài hoặc Kết bài, Thân bài chỉ có một đoạn văn hoặc cả bài viết chỉ có một đoạn văn.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (1.0 điểm)

- Điểm 1.0 : Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:

Từ ý kiến của đề bài, từ cảm nhận của mình về giá trị của tác phẩm “ *Tổ lòng*” (Thật hoài) của Phạm Ngũ Lão, học sinh phải bình luận được ý kiến

“ *Người trai đời Trần không chỉ đẹp bởi tư thế hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu,*

- **Tâm vóc:** con người đối diện với non sông đất nước → lớn lao, kì vĩ, mang tâm vóc vũ trụ, sánh ngang, thậm chí như át cả ko gian bát ngát mở ra theo chiều rộng của núi sông trong thời gian đằng đặc
nh không gian, thời gian đều kì vĩ.

- Người tráng sĩ vút lớn cao lên sánh ngang cùng tâm vóc hùng vĩ của đất nước.

+ *Tam quân tì hổ* - quân đội như hổ báo.

- **Nghệ thuật phóng đại, cường điệu "nuốt trôi trâu"** nhằm ca ngợi sức mạnh của tráng sĩ; của quân đội nhà Trần, đồng nghĩa với việc tự hào về sức mạnh của dân tộc.

-> **KẾT HỢP QUÂN - TUỞNG:** chính là vẻ đẹp sức mạnh và khí thế của hào khí **Đông A**.

- **Ý 2: Tinh thần cao thượng, quan niệm nhân sinh tích cực của đấng nam nhi trong thời đại hào hùng**

- **Con người** thời đại Đông A không chỉ đẹp trong tư thế, khí phách mà còn đẹp hơn nữa trong tinh thần cao thượng, quan niệm nhân sinh tích cực.

Nam nhi vị liễu công danh trái

Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu

(Thân nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh,

Thì luống thẹn thùng khi nghe người đời kể chuyện Vũ Hầu)

→ Công danh biểu hiện chí làm trai của trang nam nhi thời PK: phải làm nên sự nghiệp lớn, vì dân, vì nước, để lại tiếng thơm cho đời, được mọi người ngợi ca, tôn vinh.

"Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu"?

- Giọng điệu : Trầm lắng- tiếng nói tỏ lòng

- Nỗi hổ then: Nợ công danh, khi so sánh với Vũ Hầu

- Vốn là người có công danh lòng lấy mà ông vẫn cảm thấy mình còn vương nợ với đời.

- Nghe chuyện người xưa then về bản thân không bằng họ và ý thức rất rõ về trách nhiệm, bổn phận của mình đối với đất nước.

-> **Quan niệm nhân sinh tiến bộ tích cực; đó là vẻ đẹp của con người "sử thi"**

* **Nghệ thuật:** phóng đại, so sánh...

một số suy nghĩ riêng sâu sắc đối giá trị của văn bản.

- Điểm 0: Không có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo: không có quan điểm và thái độ riêng hoặc quan điểm, thái độ trái với kiến thức chuẩn về văn bản.

5. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0.5 điểm)

- Điểm 0.5: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm 0.25: Mắc một số lỗi chính tả, dùng từ đặt câu
- Điểm 0: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu

ĐỀ THI HỌC KÌ I.NĂM 2015

Môn : NGŨ VĂN ; Khối :11

(Thời gian làm bài :90 phút ,không kể thời gian phát đề)

I.Đọc hiểu:(5.0điểm):

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

“...Ở đây lẫn lộn.Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi.Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người.Thoi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?...Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.”

“...Ngục quan cảm động, vái người tù một vái và nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “ Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

(“Chữ người tử tù” -Nguyễn Tuân,trích:Sách giáo khoa Ngữ văn 11,năm 2013)

- 1.Giải thích từ “thiên lương” trong đoạn văn(1.0điểm).
- 2.Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản(1.0điểm).
- 3.Từ lời khuyên của Huân Cao với quản ngục,viết 10 câu về quan hệ giữa cái đẹp và cái thiện .(3.0điểm).

II.Làm văn (5.0điểm):

Cảm nhận của em về cảnh nhân vật Liên thức đợi nhìn chuyến tàu đêm qua phố huyện trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ”-Thạch Lam.Từ đó, nêu một vài suy nghĩ về mơ ước trong cuộc sống.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN :

I. Đọc hiểu: (5.0 điểm):

Câu 1: “ Thiên lương “ :Bản tính tốt của con người do trời phú cho.

- Điểm 1,0 : Trả lời đúng ý trên.

- Điểm 0,5 : Trả lời đúng ½ ý

Ví dụ : +Bản tính tốt của con người:0,5điểm

+Bản tính trời phú cho con người:0,5điểm

+Tính thiện của con người:0.5điểm

- Điểm 0 : Không trả lời được ý nào

Câu 2 : Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật/văn chương/văn học.

-Điểm 1,0 : Đủ các ý trên

-Điểm 0 :Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 3.

-Cái đẹp (hình thức và tài năng)chỉ có ý nghĩa khi đi liền với cái thiện (cái tâm).
Cái đẹp có thể sản sinh từ những miền đất chết ,nơi cái xấu ,cái ác tồn tại nhưng không bao giờ sống chung với cái ác và xấu .Cái đẹp luôn được người đời gìn giữ lưu truyền,có sức sống trong bất kỳ hoàn cảnh nào(1,5điểm)

-Cái đẹp có sức mạnh,có khả năng cảm hóa cái xấu và cái ác, biến cái ác thành cái thiện.(1,5điểm)

-Điểm 3,0 : Được 2 ý

-Điểm 1,5: Được 1 ý

-Điểm 1,0:Được 1/3 số ý trong 2 ý trên

-Điểm 0,5: Được ¼ số ý trong hai ý trên

-Điểm 0 : Không được ý nào trong các ý trên.

II.Làm văn : (5.0điểm):

1. Đảm bảo được cấu trúc bài văn nghị luận văn học(0,25 điểm):Xem cụ thể phần mở , thân ,kết ở phần c.

-Điểm 0,25 :Đủ mở ,thân ,kết.Mở bài biết cách dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề ;phần thân bài biết cách tổ chức thành nhiều đoạn và liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề .Phần kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng cảm xúc sâu đậm của cá nhân.

-Điểm 0 :Thiếu mở bài hoặc kết luận ,thân bài chỉ có một đoạn văn hoặc cả bài chỉ có một đoạn văn .

b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm):Liên đưa trẻ tội nghiệp đáng thương ,có tâm hồn ,có khao khát thay đổi cuộc sống thực tại khi đời nhìn tào.Tinh thần nhân đạo của nhà văn.Bài học cho bản thân về mơ ước.

-Điểm 0,25 :Xác định đúng vấn đề cần nghị luận :Từ ý kiến trong đề bài phải nêu lên được cảm nhận của mình về ý kiến đó

-Điểm 0: Xác định sai vấn đề cần nghị luận ,trình bày lạc sang vấn đề khác

c. Chia vấn đề thành các luận điểm phù hợp ; các luận điểm triển khai theo trình tự hợp lý , có sự liên kết chặt chẽ , sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm , biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và nêu dẫn chứng (4,0 điểm).

Mở bài : 3 ý:

- + Khái quát tác giả : Thạch Lam thành viên *Tự lực văn đoàn*, sở trường truyện ngắn đan xen chất hiện thực, lãng mạn
- + Khái quát tác phẩm: Trích trong: “ *Nắng trong vườn*” 1938 , thể hiện quan điểm sáng tác văn chương Thạch Lam
- + Vấn đề cần nghị luận trong đề: Cảnh Liên đợi tàu : Tình thương của nhà văn một kiếp người nhỏ bé , khao khát đổi thay cuộc sống hiện tại qua ước mơ của Liên. Bài học cho bản thân về mơ ước.

Thân bài:

- + **Cảnh sống của chị em Liên (nguyên nhân chờ đợi tàu)** : Thấy mất việc, buôn bán ế ẩm, khó khăn. Không gian sống : Cảnh làng quê buồn : chiều đêm tối
- + **Cảnh đợi nhìn tàu:** Ánh sáng, âm thanh , con người trên tàu khác phố huyện
-> Nhìn tàu giải quyết nhu cầu tinh thần, thoát khỏi cuộc sống tù túng , quẩn quanh hiện tại, mơ ước trở về quá khứ đẹp đẽ. Đứa trẻ đáng thương, nhạy cảm
- + **Suy nghĩ về mơ ước của bản thân:** Từ mơ ước tội nghiệp, nhỏ bé , đáng thương của Liên , thấy tuổi trẻ cần có ước mơ , hoài bão lớn lao và hiện thực hóa mơ ước của mình . Học sinh tự nói về mơ ước của cá nhân.

Kết :

- + Liên đứa trẻ đáng thương , tội nghiệp, khao khát thay đổi cuộc sống nghèo nàn thực tại. Liên đứa trẻ có tâm hồn.
- + Hiểu được cảnh sống người dân Việt Nam trong xã hội cũ nơi phố huyện nghèo. Ngòi bút giàu lòng nhân đạo của Thạch Lam.
- + Tuổi trẻ không thể thiếu ước mơ và cần biến mơ ước thành thực tế.

Cho điểm :

- Điểm 3,5- 4,0 : Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song một trong các luận điểm còn chưa đầy đủ hoặc liên kết chưa chặt chẽ.
- Điểm 2,5-2,0 : Đáp ứng $\frac{1}{2}$ đến $\frac{1}{3}$ các yêu cầu trên
- Điểm 0,5 : Đáp ứng được rất ít những yêu cầu trên.
- Điểm 0 : Hầu như không đáp ứng được yêu cầu nào trong các yêu cầu trên

d. Sáng tạo : (0,25 điểm) :

- Điểm 0,25 : Có nhiều cách diễn đạt sáng tạo và độc đáo (viết câu , sử dụng từ ngữ , hình ảnh và các yếu tố biểu cảm). Văn viết giàu cảm xúc , thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt. Có quan điểm và thái độ riêng sâu sắc .
- Điểm 0 : Không có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo , không có quan điểm thái độ riêng .

e. Chính tả , dùng từ , đặt câu (0,25 điểm) : Sai ba lỗi chính tả trừ 0,25.

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2015- 2016

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 12

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Anh/ chị hãy đọc đoạn văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 3:

“ Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái “ ngày xưa ngày xưa...”

mẹ thường hay kể.

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất nước có từ ngày đó...”

*(Trích **Đất Nước**, Nguyễn Khoa Điềm)*

1. Văn bản trên được trích từ tác phẩm nào? Của ai? Giới thiệu vài nét về tác giả đó?
2. Nêu chủ đề của văn bản? Tại sao hai chữ “ Đất Nước” lại được viết hoa?
3. Tác giả đã lí giải sự hình thành đất nước từ những phong tục tập quán và những truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc?
4. Từ đoạn văn bản trên, kết hợp với hiểu biết về đoạn trích “ **Đất Nước**” (Nguyễn Khoa Điềm), anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) trình bày suy nghĩ về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

II. Làm văn (5,0 điểm)

Bàn về tác phẩm “ **Việt Bắc**” (Tố Hữu) có ý kiến cho rằng: “ *Bài thơ mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn*”.

Từ cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ sau, hãy bình luận ý kiến trên.

“ *Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm râm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bàn chân nát đá muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
Tin vui thắng trận trăm miền
Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.*”

(Trích **Việt Bắc**, Tố Hữu)

----- Hết -----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN LỚP 12, NĂM HỌC 2015- 2016

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu 1(0,5 điểm):

- Văn bản trên được trích từ trường ca *Mặt đường khát vọng* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm.

- Nguyễn Khoa Điềm sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng. Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ những năm chống Mỹ cứu nước. Thơ Nguyễn Khoa Điềm có sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng tạo nên phong cách thơ trữ tình- chính luận.

+ Điểm 0,5: Trả lời như trên.

+ Điểm 0,25: Trả lời đúng ½ ý như trên.

+ Điểm 0,0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 2 (1,0 điểm): * Chủ đề của văn bản: Những suy tư, chiêm nghiệm của Nguyễn Khoa Điềm về câu hỏi: đất nước có từ bao giờ? Đất nước có từ đâu?

* Hai chữ “ Đất Nước” được viết hoa thể hiện sự trân trọng, yêu kính, tự hào và thiêng liêng khi viết về đất nước, đối với đất nước.

+ Điểm 1,0: Trả lời như trên.

+ Điểm 0,5: Trả lời đúng ½ ý như trên.

+ Điểm 0,0: Trả lời sai, không trả lời.

Câu 3 (1,0 điểm):

Tác giả đã lí giải sự hình thành của đất nước từ :

* Phong tục: ăn trầu, tục búi tóc thành cuộn sau gáy, tục đặt tên con thật xấu để ma quỷ không bắt, tập quán canh tác nông nghiệp...

* Truyền thống đánh giặc cứu nước, truyền thống sống nghĩa tình thủy chung.

+ Điểm 1,0: Trả lời như trên.

+ Điểm 0,75: Trả lời như trên nhưng còn mắc lỗi diễn đạt, chính tả...

+ Điểm 0,5: Trả lời đúng 1 trong 2 ý như nêu trên.

+ Điểm 0,25: Trả lời chung chung.

+ Điểm 0,0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 4 (2,5 điểm)

<i>Yêu cầu cần đạt</i>	<i>Điểm</i>
a.Đảm bảo cấu trúc đoạn văn	0,25
b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25
Từ phát hiện mới mẻ về cội nguồn đất nước được thể hiện trong văn bản của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, chúng ta ý thức sâu sắc về việc bảo tồn, trân trọng và phát huy vốn văn hóa truyền thống dân tộc.	
c.Các ý cơ bản	1,75
* Giải thích (0,25 điểm): * Bản sắc văn hóa dân tộc là kết tinh những giá trị văn hóa cốt lõi của dân tộc đã được thử thách qua thời gian; từ những đặc điểm riêng để khu biệt dân tộc này với dân tộc khác. → Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc: Giữ cho nguyên vẹn, không làm mất đi tính chất riêng biệt trong văn hóa dân tộc. * Biểu hiện (1,0 điểm) - Giữ gìn, kế thừa phong tục tập quán, tính chất trong lễ nghi, lối sống, cách ứng xử, trang phục... - Vừa phát huy những giá trị văn hóa dân tộc vừa tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. - Phê phán một bộ phận người Việt Nam trong đó có tầng lớp thanh niên đang làm mai một thậm chí là làm tổn hại đến bản sắc văn hóa đất nước. * Bài học liên hệ: (0,5 điểm)	
d.Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo đúng quy tắc.	0,25

II. Phần làm văn (5,0 điểm)

<i>Yêu cầu cần đạt</i>	<i>Điểm</i>
a.Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận	0,25

+ Có đầy đủ bố cục: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề cần nghị luận; thân bài triển khai được vấn đề; kết bài kết luận được vấn đề. + Giữa ba phần trong bố cục phải có sự liên kết logic. + Phần thân bài được tổ chức thành các đoạn văn phù hợp với các luận điểm của đề bài.	
b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,5
Làm sáng tỏ khuynh hướng sử thi gắn với cảm hứng lãng mạn qua một đoạn thơ trong tác phẩm “ Việt Bắc” (Tố Hữu).	
c.Các ý cơ bản	3,5
* <u>Giới thiệu khái quát</u> về tác giả, tác phẩm, vị trí và nội dung chính của đoạn trích, vấn đề cần nghị luận. (0,25đ). * <u>Cảm nhận về khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong đoạn thơ</u> :(2,5đ). - Khuynh hướng sử thi: + Đề tài: Có ý nghĩa lịch sử (cuộc kháng chiến toàn dân ở Việt Bắc; khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc; chiến thắng vang dội của quân dân ta ở các chiến trường) + Chủ đề: Ca ngợi cuộc kháng chiến và chiến thắng của dân tộc ta. Khúc anh hùng ca về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến. + Tập thể anh hùng: Những đoàn quân ra trận với sức mạnh làm rung chuyển vũ trụ; những đoàn dân công hỏa hĩa hướng ra mặt trận; tin vui thắng trận liên tiếp, dồn dập thể hiện sức mạnh của cả dân tộc. + Ngôn ngữ, giọng điệu: Từ láy, động từ, các danh từ cùng thủ pháp phóng đại, nhịp thơ nhanh, hối hả tạo nên giọng điệu hào hùng. - Cảm hứng lãng mạn: + Cảm xúc tự hào của tác giả khi miêu tả. + Đề cao vẻ đẹp, sức mạnh kì diệu của con người qua một số hình ảnh: hình ảnh con đường “ <i>những đường Việt Bắc</i>”, hình ảnh “ <i>ánh sao đầu súng</i>”, “ <i>bước chân nát đá</i>”, “ <i>đỏ đuốc</i>”. “Đất nước đứng lên”, cả dân tộc ra trận hào hùng. + Niềm tin vào tương lai: “ <i>Đèn pha...mai lên</i>”. + Thủ pháp đối lập, phóng đại và các biện pháp tu từ nghệ thuật.	

- Khuynh hướng sử thi thường gắn liền với cảm hứng lãng mạn là nét nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Tố Hữu; là đặc điểm nổi bật của văn học Việt Nam giai đoạn 1945- 1975 bởi đây là thời kì rất đặc biệt của lịch sử dân tộc (thời đại cách mạng), gắn với sức mạnh của quần chúng nhân dân. * <u>Đánh giá (0,5 điểm):</u> - Đoạn thơ góp phần quan trọng làm cho bài thơ thực sự trở thành “ thi sử” chân thực sống động về một chặng đường Cách mạng gian khổ mà cũng rất vẻ vang, đáng tự hào của dân tộc. - Đoạn thơ cũng tập trung thể hiện rõ đặc sắc nổi bật trong phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu: giàu chất sử thi và cảm hứng lãng mạn, đậm đà tính dân tộc ở thể thơ. + Kết luận vấn đề nghị luận (0,25đ)	
d.Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc mới mẻ về vấn đề cần bàn; có sự mở rộng liên hệ so sánh...	0,5
e.Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo đúng quy tắc.	0,25